

## THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Ngày đầu tiên hệ thống KRX đi vào vận hành, VN-Index kết phiên tăng gần 14 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Hóa chất, Du lịch và giải trí, Bất động sản,... dẫn đầu đà tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản ở mức thấp cho thấy dòng tiền chưa quay lại ủng hộ thị trường sau kỳ nghỉ lễ. Trong những phiên tới, VN-Index vẫn sẽ tìm điểm cân bằng trong vùng 1,200 – 1,240 tuần thứ tư liên tiếp.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

## CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

## ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+13.75** điểm, đóng cửa tại **1240.05** điểm. HNX-Index **+0.87** điểm, đóng cửa tại **212.81** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+2.53)**, **VIC (+1.86)**, **GVR (+1.14)**, **VRE (+0.71)**, **BCM (+0.64)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.39)**, **VNM (-0.34)**, **LPB (-0.28)**, **FPT (-0.28)**, **HDB (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13,151** tỷ đồng, tăng **8.60%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,015 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.21 điểm. Thị trường có **233** mã tăng, 47 mã tham chiếu, **85** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **129.96** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VRE (131.89 tỷ)**, **MSN (40.77 tỷ)**, **NLG (39.68 tỷ)**, **MWG (33.91 tỷ)**, **GMD (32.96 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-22.07** tỷ đồng.

## DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.17%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - HSG (+6.16%)** ([Link báo cáo](#))
  - DCM (+4.95%)** ([Link báo cáo](#))
  - VHM (+4.28%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **+2.17%**. Các mã diễn biến tích cực:
  - GEX (+6.98%)** ([Link báo cáo](#))
  - VRE (+5.29%)**
  - NLG (+5.26%)** ([Link báo cáo](#))

### Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	1.17%	2.17%	1.12%	0.82%
1 tuần	0.13%	0.33%	1.08%	0.62%
1 tháng	2.54%	0.37%	2.43%	3.12%
3 tháng	-9.45%	-9.04%	-1.95%	-0.51%

### Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,240.05	212.81	92.38
% 1D	1.12%	0.41%	-0.04%
GTKL (tỷ VND)	13,151	655	361
%1D	8.60%	-8.32%	-25.16%
GDNN (tỷ VND)	129.96	-22.07	-1.88

### Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	131.89	FPT	-230.69
MSN	40.77	VCI	-77.57
NLG	39.68	VCB	-69.12
MWG	33.91	VNM	-57.15
GMD	32.96	SAB	-25.00

### Thị trường thế giới

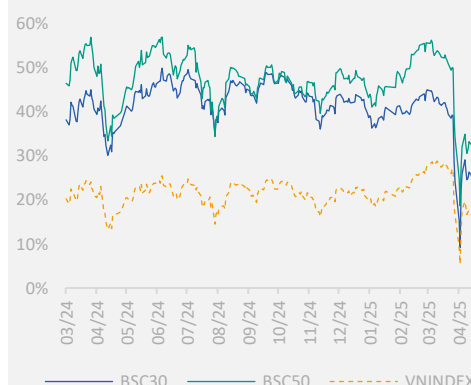
		%D	%W
SPX	5,687	1.47%	2.92%
FTSE100	8,596	1.17%	2.15%
Eurostoxx	5,269	-0.30%	2.23%
Shanghai	3,279	-0.23%	-0.53%
Nikkei	36,831	1.04%	5.11%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
<b>Hàng hóa</b>		
Giá dầu Brent	60.03	-2.06%
Giá vàng	3,288	1.37%
<b>Tỷ giá</b>		
USD/VND	26,170	-0.04%
EUR/VND	30,256	-0.62%
JPY/VND	184	-1.60%
<b>Lãi suất</b>		
LS TPCP 10Y	3.2%	0.01%
LS LNH 1M	4.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

### Hiệu suất BSC30, BSC50

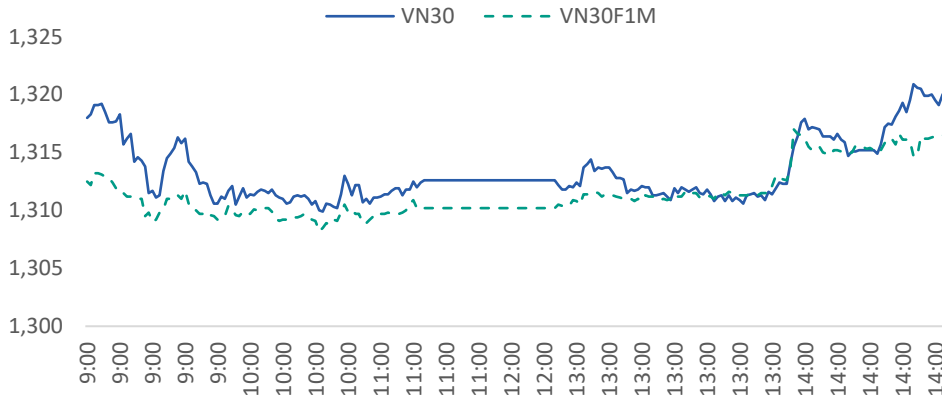


Nguồn: BSC tổng hợp

### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



**THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI**
**VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday**


Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1318.00	0.43%	58	163.6%	9/18/2025	136
VN30F2512	1318.90	0.46%	60	62.2%	12/18/2025	227
VN30F2505	1316.40	0.78%	90,446	-23.4%	5/15/2025	10
VN30F2506	1316.90	0.89%	229	-16.4%	6/19/2025	45

Nguồn: FiinproX, BSC Research

**Nhận định**

- VN30 +10.68 điểm, đóng cửa tại 1320.41 điểm. Biên độ dao động 12.25 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, VRE, VJC, HPG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giữ được sắc xanh từ khi mở cửa trong ngày đầu tiên KRX chính thức đi vào vận hành. Thanh khoản vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp, dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới với chiến lược Long/Short linh hoạt.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2505, VN30F2506. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều giảm.

**Thị trường chứng quyền có bảo đảm**

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2402	7/28/2025	84	203,700	-80.05%	13.41	2,080	420.0%	24.00	21.67	108.60	108.60
CMWG2501	6/26/2025	52	20,800	-84.43%	6.20	660	288.2%	10.97	9.50	61.00	61.00
CHPG2502	9/26/2025	144	115,800	-83.23%	2.75	520	136.4%	7.67	4.31	25.70	25.70
CVNM2501	5/26/2025	21	363,400	-88.05%	6.45	70	133.3%	10.17	6.80	56.90	56.90
CFPT2501	7/28/2025	84	24,500	-84.07%	16.00	130	44.4%	9.28	17.30	108.60	108.60
CACB2504	5/26/2025	21	542,600	-88.61%	2.60	70	40.0%	10.73	2.74	24.05	24.05
CVNM2406	7/28/2025	84	58,500	-86.92%	6.85	150	36.4%	12.63	7.44	56.90	56.90
CVRE2501	6/26/2025	52	514,800	-67.35%	1.80	2,110	35.3%	7.70	8.13	24.90	24.90
CFPT2405	8/14/2025	101	3,300	-80.52%	13.41	780	30.0%	9.60	21.15	108.60	108.60
CTCB2501	7/28/2025	84	7,600	-79.09%	2.40	1,570	29.8%	12.06	5.54	26.50	26.50
CHPG2501	6/26/2025	52	89,400	-83.66%	2.55	550	27.9%	7.72	4.20	25.70	25.70
CVIB2406	7/28/2025	84	80,300	-82.79%	1.90	280	27.3%	3.92	3.02	17.55	17.55
CVJC2502	7/21/2025	77	20,700	-83.37%	10.00	490	25.6%	7.97	14.90	89.60	89.60
CACB2501	7/28/2025	84	102,800	-83.58%	2.45	500	25.0%	7.21	3.95	24.05	24.05
CMSN2501	6/26/2025	52	44,500	-87.20%	7.20	100	25.0%	6.92	8.00	62.50	62.50
CMSN2502	5/26/2025	21	968,400	-87.92%	7.30	50	25.0%	11.04	7.55	62.50	62.50
CVPB2503	5/26/2025	21	298,700	-87.95%	1.90	50	25.0%	7.35	2.00	16.60	16.60
CVRE2410	6/30/2025	56	145,800	-76.91%	2.19	890	23.6%	5.68	5.75	24.90	24.90
CVRE2406	7/28/2025	84	2,184,800	-67.31%	1.90	1,560	20.9%	5.76	8.14	24.90	24.90
CVIB2502	10/27/2025	175	29,200	-81.42%	2.10	580	20.8%	7.75	3.26	17.55	17.55

**Chú thích:** Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất  
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

\*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 05/05/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CFPT2402 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 420.00%. CVHM2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.17%.
- CVIC2501, CVHM2408, CVIC2405, CVRE2407, CVHM2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2503, CMWG2506 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

[anhng@bsc.com.vn](mailto:anhng@bsc.com.vn)
**Top CP tác động tích cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	60.90	4.28%	3.71
VIC	70.00	2.94%	3.27
VRE	24.90	5.29%	1.73
VJC	89.60	4.19%	1.62
HPG	25.70	0.78%	1.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**Top CP tác động tiêu cực VN30**

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	108.60	-0.73%	-0.88
VNM	56.90	-1.22%	-0.84
LPB	32.15	-1.23%	-0.69
HDB	21.20	-1.17%	-0.40
VCB	57.10	-0.35%	-0.11

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**
**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	60.90	4.28%	2.53	4.11
VIC	70.00	2.94%	1.86	3.82
GVR	24.85	4.85%	1.14	4.00
VRE	24.90	5.29%	0.71	2.27
BCM	57.50	4.55%	0.64	1.04

**Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	37.50	3.59%	0.27	0.33
PVS	26.00	1.56%	0.12	0.48
NTP	73.90	1.79%	0.12	0.14
PLC	25.50	6.69%	0.08	0.08
LAS	19.10	6.11%	0.08	0.11

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CSV	34.45	6.99%	0.06	3.02
GEX	28.35	6.98%	0.40	19.68
BFC	43.70	6.98%	0.04	3.20
CKG	14.00	6.97%	0.02	0.06
GEG	14.60	6.96%	0.09	6.10

**Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SFN	22.10	9.96%	0.02	0.00
SVN	6.70	9.84%	0.05	1.91
DNC	78.40	9.80%	0.22	0.00
LBE	29.20	9.77%	0.02	0.00
HCC	18.00	9.76%	0.04	0.04

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	57.10	-0.35%	-0.39	8.36
VNM	56.90	-1.22%	-0.34	2.09
LPB	32.15	-1.23%	-0.28	2.99
FPT	108.60	-0.73%	-0.28	1.47
HDB	21.20	-1.17%	-0.20	3.50

**Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index**

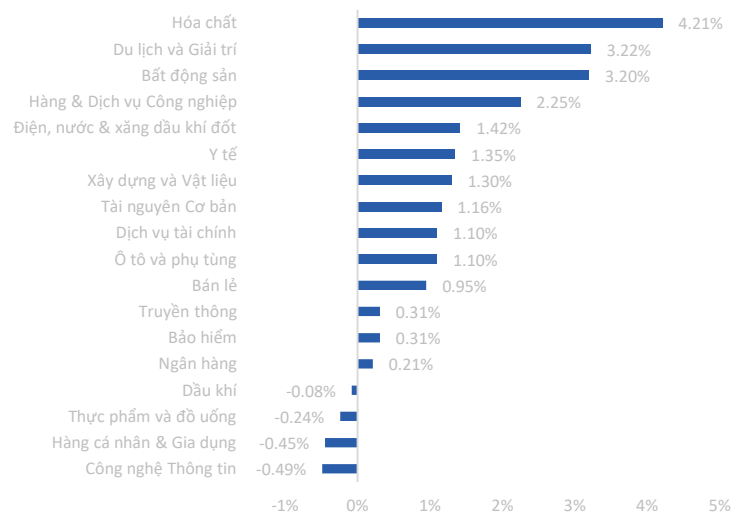
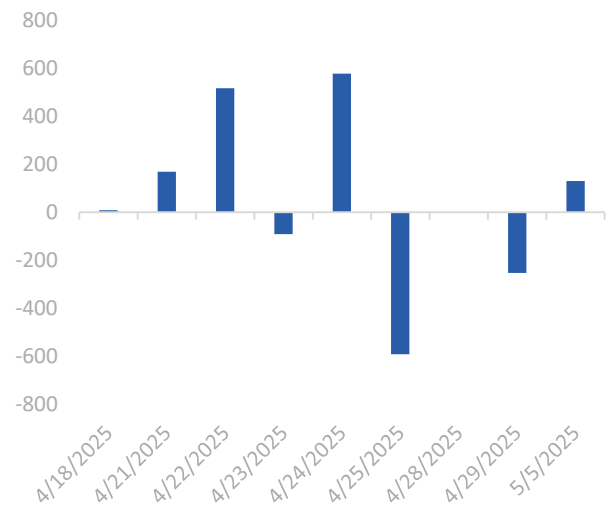
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	193.20	-1.93%	-0.46	0.20
KSF	64.80	-3.57%	-0.43	0.30
PVI	54.80	-3.69%	-0.29	0.23
VIF	16.60	-5.14%	-0.18	0.35
SGC	110.10	-8.40%	-0.04	0.01

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
RAL	104.20	-6.96%	-0.04	0.03
COM	31.00	-6.91%	-0.01	0.00
CVT	27.80	-6.87%	-0.02	0.00
SFC	23.25	-6.81%	0.00	0.00
DXV	3.85	-6.78%	0.00	0.03

**Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX**

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VE3	8.20	-9.89%	0.00	0.00
CAN	45.00	-9.82%	-0.08	0.00
SDN	22.40	-9.68%	-0.02	0.00
PTD	4.90	-9.26%	-0.01	0.00
SGC	110.10	-8.40%	-0.23	0.00

**Hình 1**  
**Diễn biến ngành cấp 2**

**Hình 2**  
**Giao dịch khối ngoại**


Nguồn: FiinProX, BSC Research

**DANH MỤC BSC30**

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	61.0	0.3%	1.6	89,919	321.1	2,983	20.4		46.9%	
KBC	Bất động sản	23.7	3.7%	1.5	17,501	149.4	498	45.8		15.5%	
KDH	Bất động sản	27.2	3.0%	1.2	26,644	58.0	863	30.5		35.8%	
PDR	Bất động sản	15.7	1.6%	1.7	13,971	79.1	181	85.2	23,600	7.7%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	60.9	4.3%	1.1	239,873	365.3	7,766	7.5	58,200	12.4%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ Thông tin	108.6	-0.7%	1.0	160,935	822.8	5,618	19.5	163,000	41.2%	<a href="#">Link</a>
BSR	Dầu khí	16.1	0.3%	0.0	49,763	30.7	204	78.9		0.3%	
PVS	Dầu khí	26.0	1.6%	1.2	12,236	88.6	2,238	11.4	40,300	15.8%	<a href="#">Link</a>
HCM	Dịch vụ tài chính	25.4	0.8%	1.5	18,107	172.0	1,394	18.1		39.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.1	0.7%	1.4	45,025	216.0	1,536	14.9		35.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.0	0.0%	1.4	26,570	219.3	1,602	23.1		30.2%	
DCM	Hóa chất	33.9	5.0%	1.4	17,100	114.7	2,805	11.5	41,100	5.1%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	93.8	3.1%	1.6	34,560	165.5	8,224	11.1	108,500	15.1%	<a href="#">Link</a>
ACB	Ngân hàng	24.1	0.0%	0.9	107,423	111.4	3,708	6.5	30,400	30.0%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	34.9	0.9%	1.0	242,588	63.5	3,643	9.5	47,000	17.6%	<a href="#">Link</a>
CTG	Ngân hàng	37.4	0.4%	1.0	199,764	143.9	4,720	7.9	50,000	26.7%	<a href="#">Link</a>
HDB	Ngân hàng	21.2	-1.2%	1.0	74,969	281.6	3,985	5.4		16.8%	
MBB	Ngân hàng	23.6	0.0%	1.0	143,709	444.4	4,049	5.8	26,300	22.2%	<a href="#">Link</a>
MSB	Ngân hàng	11.3	0.5%	1.1	29,120	42.4	2,150	5.2	14,000	27.3%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	39.5	1.0%	0.9	73,712	210.5	5,767	6.8		20.9%	
TCB	Ngân hàng	26.5	0.8%	1.2	185,806	360.4	3,013	8.7	31,400	22.5%	<a href="#">Link</a>
TPB	Ngân hàng	13.6	0.0%	1.1	35,931	61.3	2,298	5.9	-	23.1%	<a href="#">Link</a>
VCB	Ngân hàng	57.1	-0.4%	0.6	478,780	126.6	4,049	14.2		22.5%	
VIB	Ngân hàng	17.6	1.2%	1.0	51,688	52.9	2,400	7.2	23,000	5.0%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	16.6	0.3%	1.0	131,306	125.9	2,030	8.2	25,500	24.5%	<a href="#">Link</a>
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25.7	0.8%	1.2	163,104	326.9	1,879	13.6	37,500	22.0%	<a href="#">Link</a>
HSG	Tài nguyên Cơ bản	14.7	6.2%	1.4	8,570	138.7	749	18.4	22,700	5.9%	<a href="#">Link</a>
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.1	2.4%	1.6	9,187	148.4	3,930	7.0	31,000	2.2%	<a href="#">Link</a>
MSN	Thực phẩm và đồ uống	62.5	0.0%	1.3	89,897	183.4	1,518	41.2		25.1%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.9	-1.2%	0.6	120,381	242.4	4,494	12.8		48.9%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

**DANH MỤC BSC50**

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	33.0	0.92%	1.8	7,156	17.5	2,098	15.6	18.8%	15.7%	<a href="#">Link</a>
FRT	Bán lẻ	172.5	2.80%	1.3	22,861	107.3	2,331	72.0	32.4%		
BVH	Bảo hiểm	46.1	0.33%	1.2	34,110	13.8	2,843	16.2	26.9%		
DIG	Bất động sản	15.1	2.72%	1.5	8,965	116.6	188	78.3	2.9%		
DXG	Bất động sản	15.4	1.65%	1.5	13,193	115.5	346	43.7	21.0%		<a href="#">Link</a>
HDC	Bất động sản	22.3	3.00%	1.3	3,861	76.0	436	49.7	3.3%	3.4%	
HDG	Bất động sản	23.8	1.50%	1.4	7,870	50.5	1,036	22.6	19.6%		
IDC	Bất động sản	37.5	3.59%	1.4	11,946	61.9	4,982	7.3	17.2%	31.2%	
NLG	Bất động sản	29.0	5.26%	1.4	10,609	92.4	1,827	15.1	37.8%	7.4%	<a href="#">Link</a>
SIP	Bất động sản	66.0	3.94%	0.0	13,369	38.8	6,076	10.5	4.6%	29.7%	
SZC	Bất động sản	31.2	5.05%	1.3	5,346	73.5	2,036	14.6	2.7%	11.8%	<a href="#">Link</a>
TCH	Bất động sản	17.1	-0.87%	1.5	11,493	121.9	1,466	11.7	9.6%		<a href="#">Link</a>
VIC	Bất động sản	70.0	2.94%	1.2	260,009	309.4	3,069	22.2	7.7%		
VRE	Bất động sản	24.9	5.29%	1.0	53,740	336.4	1,844	12.8	19.8%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	32.3	2.70%	1.1	6,645	18.8	1,478	21.3	36.6%		
PLX	Dầu khí	33.7	-0.74%	0.9	43,073	22.0	2,274	14.9	17.4%		<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	17.7	0.86%	1.1	9,728	87.3	1,246	14.1	8.1%	4.4%	<a href="#">Link</a>
FTS	Dịch vụ tài chính	38.1	1.74%	1.7	11,441	76.7	1,816	20.6	28.2%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.9	0.37%	1.7	15,351	58.0	1,650	16.2	6.9%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	58.5	0.34%	0.9	136,578	45.4	4,439	13.1	1.7%		<a href="#">Link</a>
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.3	3.80%	1.0	27,751	185.7	475	25.0	3.7%		<a href="#">Link</a>
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.5	2.92%	1.0	32,264	42.4	4,511	15.2	49.0%	11.4%	
VJC	Du lịch và Giải trí	89.6	4.19%	0.5	46,579	72.1	2,632	32.7	12.6%		
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	28.4	6.98%	1.5	22,775	548.1	2,052	12.9	10.2%	12.8%	<a href="#">Link</a>
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	54.5	2.83%	1.0	22,270	184.6	3,797	14.0	40.0%	11.9%	<a href="#">Link</a>
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	66.0	2.80%	1.3	8,339	360.8	5,594	11.5	13.2%	25.8%	<a href="#">Link</a>
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.7	3.84%	1.2	7,423	73.7	3,026	6.9	11.2%	14.2%	<a href="#">Link</a>
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	111.0	0.91%	0.0	13,396	52.9	3,146	35.0	6.8%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	70.8	-0.42%	1.0	24,025	57.6	6,105	11.7	46.7%	18.6%	<a href="#">Link</a>
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	0.17%	0.8	2,928	18.7	2,869	10.0	49.7%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	17.0	2.41%	1.3	2,035	10.0	2,580	6.4	17.1%	17.0%	<a href="#">Link</a>
DPM	Hóa chất	34.1	4.28%	1.2	12,797	110.4	1,223	26.7	8.5%	4.3%	<a href="#">Link</a>
GVR	Hóa chất	24.9	4.85%	1.6	94,800	144.8	997	23.8	0.6%		
EIB	Ngân hàng	19.3	1.58%	1.1	35,299	136.3	1,786	10.6	4.0%		<a href="#">Link</a>
LPB	Ngân hàng	32.2	-1.23%	0.5	97,236	48.1	3,333	9.8	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	17.1	3.32%	0.0	22,716	107.2	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	10.4	0.00%	1.1	25,644	14.9	1,189	8.8	19.1%	9.4%	<a href="#">Link</a>
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.4	3.78%	1.5	5,326	113.7	1,122	10.6	5.3%	5.9%	<a href="#">Link</a>
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.3	1.66%	1.6	4,007	6.5	612	24.6	0.6%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.0	2.04%	0.8	10,413	89.2	1,509	22.7	3.1%		
SAB	Thực phẩm và đồ uống	47.9	-0.42%	1.2	61,691	64.6	3,217	15.0	59.5%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	49.9	0.30%	1.4	11,155	49.1	5,463	9.1	23.5%		<a href="#">Link</a>
BMP	Xây dựng và Vật liệu	145.0	0.28%	1.2	11,837	23.5	13,288	10.9	85.3%	38.6%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	81.0	0.12%	1.6	8,084	128.0	3,718	21.8	48.9%		<a href="#">Link</a>
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.8	2.36%	1.3	9,700	47.9	4,754	17.8	7.8%	29.3%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.8	0.97%	1.4	3,232	23.7	3,738	13.7	8.0%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.1	2.54%	1.5	5,101	56.0	987	12.0	7.7%		<a href="#">Link</a>
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.3	2.16%	1.3	7,457	23.5	1,307	16.0	16.6%		
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.9	2.82%	1.4	12,750	236.2	1,548	13.8	6.9%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.6	3.18%	1.5	17,620	18.7	2,720	14.5	5.4%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

**DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY**

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_ Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		<a href="#">Click</a>
4	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		<a href="#">Click</a>
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		<a href="#">Click</a>
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		<a href="#">Click</a>
18	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	<a href="#">Click</a>
19	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	<a href="#">Click</a>
20	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	<a href="#">Click</a>
21	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	<a href="#">Click</a>
22	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	<a href="#">Click</a>
23	BSC_Báo cáo ngành điện		x	<a href="#">Click</a>
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		<a href="#">Click</a>
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>

## KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

### Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

**Trần Thăng Long**

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

**Bùi Nguyên Khoa**

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

**Phan Quốc Bửu**

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

### Nhóm vĩ mô thị trường

**Vũ Việt Anh**

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

**Trần Thanh Tùng**

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

**Phạm Thanh Thảo**

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

**Nguyễn Giang Anh**

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

**Lưu Diễm Ngọc**

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

**BSC Trụ sở chính**

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (024) 3935 2722  
Fax: (024) 2220 0669

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place  
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM  
Tel: (028) 3821 8885  
Fax: (028) 3821 8879

**Trung tâm Phân tích nghiên cứu**

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(024) 39352722 - Ext 108

**Đối với Khách hàng tổ chức**

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(024) 39264 659

**Đối với Khách hàng cá nhân**

i-center@bsc.com.vn  
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>